

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi

Thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế¹ và các Kế hoạch có liên quan đang được triển khai thực hiện trên địa bàn huyện²; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn thuận tiện, có chất lượng về các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số đến năm 2030 huyện Ngọc Hồi.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng BPTT hiện đại đạt trên 50% năm 2025 và đạt trên 60% vào năm 2030; giảm 2/3 số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- 75% cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, bao gồm cả khu vực ngoài công lập vào năm 2025, đạt 90% năm 2030.

- Trên 95% các xã/thị trấn tiếp tục triển khai cung ứng các BPTT miễn phí lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản vào năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030.

- 75% số trạm Y tế thuộc vùng có mức sinh cao đủ khả năng cung cấp các BPTT theo quy định vào năm 2025, đạt 95% năm 2030.

¹ Quyết định số 1347/QĐ-BYT ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Văn bản số 7257/BYT-TCDS ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030

² Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Kế hoạch Hành động giai đoạn 2020 - 2025 tỉnh Kon Tum thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến 2030; Kế hoạch số 2989/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Kế hoạch thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030; Kế hoạch số 109/KH-UBND, ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Trên 95% số xã, thị trấn có cơ sở y tế cung cấp dịch vụ KHHGD, thực hiện các BPTT lâm sàng đạt 100% năm 2030.

- Trên 95% số xã, thị trấn thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD, sử dụng BPTT; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng:

- Đối tượng thụ hưởng: nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, chú trọng vị thành niên, thanh niên, người lao động.

- Đối tượng tác động: người dân trong toàn xã hội; ban ngành đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

2. Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thực hiện cơ chế, chính sách về cung cấp PTTT, dịch vụ KHHGD: Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, biên giới trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ KHHGD. Thực thi pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn, chẩn đoán giới tính thai nhi, lựa chọn giới tính trước khi sinh theo hướng tăng nặng mức xử phạt. Khuyến khích, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Triển khai cung ứng dịch vụ KHHGD/SKSS tham gia xã hội hóa, thực hiện đúng phân tuyến chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế...

2. Tuyên truyền vận động thay đổi hành vi: Tích cực truyền thông, vận động chuyển đổi hành vi chi trả kinh phí đối với các nhóm đối tượng trực tiếp sử dụng PTTT, hàng hóa SKSS và dịch vụ KHHGD/SKSS. Sản xuất, nhân bản tài liệu truyền thông hướng dẫn kỹ thuật, tư vấn; xây dựng chuyên trang, chuyên đề, bản tin, phóng sự... Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ; đẩy mạnh công tác tiếp thị xã hội và xã hội hóa phương tiện tránh thai (PTTT). Tổ chức hội thảo, chú trọng các hình thức tư vấn trực tiếp, tư vấn cộng đồng; vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khoẻ trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh...

3. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số: Thiết lập kênh phân phối PTTT, hàng hóa SKSS; triển khai nguồn cung cấp các PTTT và hàng hóa SKSS theo Đề án 818 Trung ương và chủ động mở rộng các sản phẩm PTTT xã hội hóa; lựa chọn, đưa vào thị trường các chủng loại PTTT, hàng hóa SKSS đảm bảo về chất lượng, đa dạng chủng loại và phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân; củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD; công khai, giới

thiệu, tư vấn các loại dịch vụ KHHGD/SKSS được cung cấp tại cơ sở, khuyến khích việc cung cấp dịch vụ trọn gói; tạo cơ hội để người dân lựa chọn, sử dụng dịch vụ kỹ thuật KHHGD/SKSS có chất lượng phù hợp...

4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực cho dịch vụ KHHGD: Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân; đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư từ cộng đồng, doanh nghiệp, tư nhân cho dịch vụ KHHGD...

5. Nâng cao năng lực cho cán bộ dân số, cán bộ y tế tại các cơ sở y tế công lập thực hiện xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa SKSS và dịch vụ KHHGD/SKSS: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tư vấn sử dụng các loại phương tiện tránh thai (PTTT), kỹ năng tiếp thị và kỹ thuật của sản phẩm cho cán bộ phân phối PTTT, hàng hóa sức khỏe sinh sản (SKSS và cán bộ cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS; mức chi phí hoặc khung chi phí, cơ chế phân phối đối với, từng phương tiện tránh thai, hàng hóa SKSS theo phân khúc thị trường xã hội hóa; tổ chức hội thảo chuyên đề, học tập và chia sẻ kinh nghiệm...

6. Kiểm tra, giám sát, báo cáo: Kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo khung công cụ giám sát, đánh giá, điều tra thu thập thông tin để đánh giá kết quả thực hiện và kịp thời đưa ra các giải pháp cho phù hợp. Phối hợp kiểm tra, giám sát và tăng cường quản lý chất lượng phương tiện tránh thai, hàng hóa, dịch vụ KHHGD/SKSS.

IV. KINH PHÍ: Thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế:

- Chủ trì, phối hợp Trung tâm Y tế tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát việc thực hiện pháp lệnh về dân số. Lồng ghép phổ biến tuyên truyền về chủ trương xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/SKSS.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và sơ kết, tổng kết, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện và Sở Y tế theo quy định. Tổ chức sơ kết vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030.

2. Trung tâm Y tế

- Phối hợp với Phòng Y tế, các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và sơ kết, tổng kết, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện theo quy định.

- Tiếp nhận quản lý, điều phối và sử dụng các nguồn vốn theo quy định hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện.

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS đến tận xã, thị trấn. Có kế hoạch xây dựng, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ làm dịch vụ KHHGD/SKSS.

3. Trung tâm Văn hóa-Thể Thao- Du lịch và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp, tuyên truyền về các chính sách, pháp lệnh về Dân số, các hoạt động có liên quan đến dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD), xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT) và dịch vụ KHHGD/SKSS.

4. Phòng Tài chính- Kế hoạch: Phối hợp với ngành Y tế xem xét tham mưu cân đối, hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch đúng quy định hiện hành.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Trung tâm Y tế triển khai có hiệu quả hoạt động giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh tại các trường phổ thông trung học.

6. Các ban, ngành, đoàn thể có liên quan: Phối hợp chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch hành động; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp lệnh và giám sát việc thực hiện pháp lệnh về dân số. Lồng ghép phổ biến tuyên truyền về chủ trương xã hội hóa cung cấp PTTT và dịch vụ KHHGD/SKSS.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD/SKSS trên địa bàn quản lý; huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của địa phương; triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Xem xét hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch. thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương

Trên đây Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 trên địa bàn huyện Ngọc Hồi./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- TT huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm VH-TT-DL&TT;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Lan